



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2025
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

NỘI DUNG	TRANG
Bảng cân đối kế toán công ty hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 (mẫu số B01 – DN/HN)	3-4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02 – DN/HN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03 – DN/HN)	6-7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính công ty hợp nhất (mẫu số B09 – DN/HN)	8-42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY HỢP NHẤT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.466.941.376.239	3.389.657.485.670
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.278.989.923	33.130.364.876
1. Tiền	111		7.578.989.923	4.550.364.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.700.000.000	28.580.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.377.887.913.852	1.344.674.990.862
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	307.299.551.264	309.659.600.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	357.512.737.942	352.882.254.965
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	346.787.685.000	348.487.685.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	437.293.240.268	404.650.751.128
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(71.005.300.622)	(71.005.300.622)
IV. Hàng tồn kho	140		1.980.280.196.309	1.932.148.120.147
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.980.280.196.309	1.932.148.120.147
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.494.276.155	70.704.009.785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	197.424.069	471.156.286
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.988.380.632	69.832.762.961
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		308.471.454	400.090.538
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.406.206.264.221	4.363.901.325.061
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.002.120.323.629	2.008.206.323.629
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.002.120.323.629	2.008.206.323.629
II. Tài sản cố định	220		215.940.985.405	217.601.942.685
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	184.563.157.419	186.224.114.699
- Nguyên giá	222		252.206.245.689	252.739.545.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.643.088.270)	(66.515.430.989)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	31.377.827.986	31.377.827.986
- Nguyên giá	228		31.746.927.986	31.746.927.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(369.100.000)	(369.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	23.712.291.267	24.015.925.922
- Nguyên giá	231		30.103.487.556	30.103.487.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.391.196.289)	(6.087.561.634)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.840.954.632.139	1.795.748.506.865
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.840.954.632.139	1.795.748.506.865
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	36.550.000.000	36.550.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		38.550.000.000	38.550.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		286.928.031.781	281.778.625.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	248.294.787.338	242.145.381.517
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.633.244.443	5.633.244.443
3. Lợi thế thương mại	269		33.000.000.000	34.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.873.147.640.460	7.753.558.810.731

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.055.169.715.811	5.935.636.943.452
I. Nợ ngắn hạn	310		2.613.199.243.824	2.572.141.469.918
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	93.075.113.913	95.999.432.631
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	49.911.672.707	42.736.350.951
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	19.145.623.712	24.390.003.721
4. Phải trả người lao động	314		1.815.733.756	3.902.508.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	36.548.791.139	46.025.728.465
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	332.112.517.035	317.035.848.703
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	1.757.167.522.853	1.717.574.769.845
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	322.666.513.634	322.879.240.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		755.755.075	1.597.586.075
II. Nợ dài hạn	330		3.441.970.471.987	3.363.495.473.534
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	667.344.156.629	644.567.394.731
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	2.769.335.436.824	2.713.930.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.290.878.534	4.998.078.803
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.817.977.924.649	1.817.921.867.279
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.817.977.924.649	1.817.921.867.279
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.004.756.560.000	1.004.756.560.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		207.059.165.444	207.059.165.444
4. Cổ phiếu quỹ	415		(7.087.077.763)	(7.087.077.763)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		607.941.455.270	607.813.431.986
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		607.813.431.986	607.048.469.409
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		128.023.284	764.962.577
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.307.821.698	5.379.787.612
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.873.147.640.460	7.753.558.810.731

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT

Mẫu số B02-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.629.076.538	27.700.104.043	13.629.076.538	27.700.104.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		13.629.076.538	27.700.104.043	13.629.076.538	27.700.104.043
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.282.676.644	17.107.484.564	8.282.676.644	17.107.484.564
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.346.399.894	10.592.619.479	5.346.399.894	10.592.619.479
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	71.387.940.452	62.870.518.885	71.387.940.452	62.870.518.885
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62.402.917.910	62.025.754.530	62.402.917.910	62.025.754.530
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.745.608.565	61.172.304.730	61.745.608.565	62.025.754.530
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	606.859.832	538.506.964	606.859.832	538.506.964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.248.777.298	3.978.063.535	3.248.777.298	3.978.063.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		10.475.785.306	6.920.813.335	10.475.785.306	6.920.813.335
11. Thu nhập khác	31	VI.7	197.806.294	221.674.040	197.806.294	221.674.040
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.616.046.088	6.552.141.203	9.616.046.088	6.552.141.203
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(9.418.239.794)	(6.330.467.163)	(9.418.239.794)	(6.330.467.163)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.057.545.512	590.346.172	1.057.545.512	590.346.172
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	711.826.408	541.218.347	711.826.408	541.218.347
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		292.799.732	-	292.799.732	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.919.372	49.127.825	52.919.372	49.127.825
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(71.965.914)	(50.354.733)	(71.965.914)	(50.354.733)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		124.885.286	99.482.558	124.885.286	99.482.558
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1	1	1	1



Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 04 năm 2025



Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.060.683.509	590.346.172
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ	02	2.960.074.509	1.978.577.779
lợi thế thương mại			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(71.383.423.026)	(62.870.518.885)
Chi phí lãi vay	06	61.745.608.565	62.025.754.530
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.617.056.443)	1.724.159.596
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.813.934.701)	29.388.786.260
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(76.295.705.215)	(109.761.521.908)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.784.219.212)	(7.755.892.220)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.875.673.604)	2.547.327.164
Tiền lãi vay đã trả	14	(48.432.098.186)	(118.986.509.465)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.200.000.000)	(50.931.998)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(841.831.000)	(8.022.058.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(147.860.518.361)	(210.916.640.967)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.700.000.000	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(321.524.279.389)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.310.953.576	49.453.594.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.010.953.576	(272.070.685.260)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	816.519.999.999	1.137.772.553.426
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(721.521.810.167)	(653.702.085.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	40	94.998.189.832	484.070.468.354
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.851.374.953)	1.083.142.127
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.130.364.876	15.714.716.334
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	27.278.989.923	16.797.858.461

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 7 năm 2005 và được cập nhật thay đổi lần thứ 19 ngày 18 tháng 12 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.004.756.560.000 đồng, được chia thành 100.475.656 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại tòa nhà CII Tower, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: NBB.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty: 577 Investment Corporation.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm là đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị, khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm là đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình dân dụng, khai thác và chế biến khoáng sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	31/03/2025		01/01/2025		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ		
	(%)	(%)	(%)	(%)		
Các công ty con						
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác khoáng sản, sản xuất đá, xây dựng
2. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	95,0%	95,0%	95,0%	95,0%	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	90,0%	90,0%	90,0%	90,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4. Công ty TNHH Hương Trà	99,0%	99,0%	99,0%	99,0%	Tỉnh Quảng Ngãi	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng
Công ty liên doanh, liên kết						
1. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Bình Thuận, đăng ký tại Tổ 2, Thôn Phước Hải, Xã Tân Phước, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Tây Nam, đăng ký tại 444 đường Ninh Bình, Khu dân cư Phường 2, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Chi nhánh Miền Bắc, đăng ký tại Tầng 2, Biệt thự A29, Lô BT-A3, Khu biệt thự Đồi Thủy Sản, Khu 9B, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh Quảng Ngãi, đăng ký tại 364 Võ Nguyên Giáp, Phường Trương Quang Trọng, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thoái vốn công ty con

Khi Công ty thoái vốn, mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của Công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cầu phần vốn chủ sở hữu khác. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con sẽ được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo riêng của công ty mẹ sau khi điều chỉnh cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ tương ứng kể từ ngày mua nếu sau khi thoái vốn công ty con trở thành công ty liên kết, hoặc trình bày theo giá gốc nếu công ty con trở thành khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Trường hợp trước đây Công ty đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, toàn bộ phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mất quyền kiểm soát.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con nhưng không dẫn đến mất quyền kiểm soát được ghi nhận như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Ảnh hưởng của các giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất thay vì ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm phát sinh giao dịch.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Hàng hóa bất động sản của Công ty bao gồm các bất động sản được mua hoặc xây dựng để bán trong năm hoạt động kinh doanh bình thường, được ghi nhận trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí xây dựng và các khoản chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện khi tài sản được bán và được chính người bán thuê lại. Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê hoạt động nhưng mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường được phân bổ vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa lô đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao.

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm phòng tập gym ở chung cư Diamond Riverside và các tiện ích, hồ bơi, sân tennis ở chung cư Carina do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phòng tập gym tại chung cư Diamond Riverside	20
Tiện ích, hồ bơi và sân quần vợt tại chung cư Carina	10 - 30

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động.

Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận là giá vốn trong năm bán bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên kết, lãi lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được tính vào lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản; quyền và các khoản chi phí để khai thác khoáng sản; công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí nhà mẫu và hoa hồng môi giới bán bất động sản được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu của các dự án khi Công ty bàn giao bất động sản cho khách hàng.

Quyền khai thác khoáng sản mà Công ty có được từ việc mua công ty con ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn. Quyền khai thác khoáng sản sẽ được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng còn lại ước tính của mỏ.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá; và
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho UBND địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá

Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá được ghi nhận là chi phí trả trước khi Công ty có thể tiếp cận được lớp đá mới để khai thác. Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí phát sinh có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Chi phí này được phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản trả trước (tiếp theo)

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng kỳ so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận được phân chia từ BCC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Trái phiếu

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- (a) Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất; và
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện. Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch mà không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại trong bất cứ tình huống nào.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn

Bất động sản đã chuyển nhượng

Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã chuyển nhượng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa và dịch vụ khác

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí hợp tác kinh doanh/hợp tác đầu tư dự án

Đối với các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản mà Công ty là bên kiểm soát các hoạt động và tài sản của dự án, các khoản lợi nhuận phân chia cho đối tác theo quyết toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động khác và chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.057.185.814	504.128.838
Tiền gửi ngân hàng	6.491.804.109	4.046.236.038
Các khoản tương đương tiền (*)	19.730.000.000	28.580.000.000
Cộng	27.278.989.923	33.130.364.876

(*) Các khoản tương đương tiền cuối kỳ là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TPBank. Các khoản tiền gửi này đang được cầm cố tại ngân hàng cho nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện dự án Delagi của Công ty.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu về chuyển nhượng bất động sản	286.323.458.568	287.554.658.568
Dự án khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	140.692.590.116	140.692.590.116
Dự án khu căn hộ cao tầng City Gate Towers	103.950.610.505	103.950.610.505
Dự án khu biệt thự Đồi Thủy Sản - Quảng Ninh	18.150.295.473	18.150.295.473
Dự án khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	23.529.962.474	24.761.162.474
Phải thu về chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác	1.700.000.000	1.700.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	19.276.092.696	20.404.941.823
Cộng	307.299.551.264	309.659.600.391

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	56.055.407.087	57.473.233.741
	56.055.407.087	57.473.233.741
Nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa Ốc	192.841.775.900	192.841.775.900
Công ty CP Xây dựng Dân Dụng E&C	40.447.883.701	40.447.883.701
Công ty TNHH MTV xây dựng Ái Nghĩa	20.604.814.204	20.604.814.204
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Lập Việt	13.917.119.000	8.022.139.000
Các nhà cung cấp khác	33.645.738.050	33.492.408.419
	301.457.330.855	295.409.021.224
Cộng	357.512.737.942	352.882.254.965

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (*)	344.487.685.000	346.187.685.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	2.300.000.000	2.300.000.000
Cộng	346.787.685.000	348.487.685.000

(*) Đây là khoản hợp tác với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (“Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm”) triển khai hoạt động kinh doanh tại các dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm. Tại ngày 31/03/2025 số tiền góp vốn của Công ty NBB tại Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm là 344.487.685.000 đồng.

5. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng	200.283.914.413	196.077.214.503
Lãi phải thu đối với các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	130.741.105.594	104.664.118.718
Các khoản hỗ trợ vốn	30.648.060.434	30.648.060.434
Các khoản ký quỹ, đặt cọc, cầm cố	6.960.000.000	7.001.000.000
Vốn hợp tác đầu tư	35.233.523.929	32.458.872.221
Cổ tức được chia	-	3.910.563.176
Các khoản phải thu khác	33.426.635.898	29.890.922.076
Cộng	437.293.240.268	404.650.751.128
b. Dài hạn		
Ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án	23.168.800.000	25.208.323.629
Phải thu vốn góp hợp tác đầu tư (*)	2.007.490.000.000	2.007.490.000.000
<i>Trừ: số phải thu trong 12 tháng tới</i>	<i>(30.616.000.000)</i>	<i>(24.492.000.000)</i>
Các khoản phải thu khác	2.077.523.629	-
Cộng	2.002.120.323.629	2.008.206.323.629

(*)

- Đây là khoản hợp tác với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty CII”) về việc đầu tư kinh doanh phân chia lợi nhuận từ Cao ốc 152 Điện Biên Phủ với số tiền 1.150 tỷ đồng.
- Đây là khoản hợp tác với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp tác đầu tư dự án Xa Lộ Hà Nội với số tiền 857,49 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/03/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.052.977.199	1.523.214.592	(8.529.762.607)	10.052.977.199	1.523.214.592	(8.529.762.607)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.804.416.020	-	(26.804.416.020)	26.804.416.020	-	(26.804.416.020)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.300.000.000	1.150.000.000	(1.150.000.000)	2.300.000.000	1.150.000.000,0	(1.150.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	34.521.121.995	-	(34.521.121.995)	34.521.121.995	-	(34.521.121.995)
Cộng	73.678.515.214	2.673.214.592,00	(71.005.300.622)	73.678.515.214	2.673.214.592,0	(71.005.300.622)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Trả trước cho người bán ngắn hạn	Phải thu ngắn hạn khác	Phải thu về cho vay	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm	(8.529.762.607)	(26.804.416.020)	(34.521.121.995)	(1.150.000.000)	(71.005.300.622)
Trích lập dự phòng bổ sung					-
Số cuối năm	(8.529.762.607)	(26.804.416.020)	(34.521.121.995)	(1.150.000.000)	(71.005.300.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.892.736	-	4.140.000	-
Công cụ, dụng cụ	11.744.447.020	-	11.747.746.120	-
Bất động sản dở dang (*)	1.898.793.542.104	-	1.852.286.443.931	-
Hàng hóa bất động sản	30.352.808.658	-	30.304.760.000	-
Chi phí công trình xây dựng dở dang	3.806.476.704	-	4.400.000.000	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	21.061.768.090	-	18.637.915.504	-
Thành phẩm (đá)	14.510.260.997	-	14.767.114.592	-
Cộng	1.980.280.196.309	-	1.932.148.120.147	-

(*) Bất động sản dở dang thể hiện chi phí đầu tư và phát triển của các dự án như sau:

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	644.963.452.174	-	635.308.944.976	-
Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư Delagi	1.182.806.915.396	-	1.145.954.324.421	-
Dự án xây dựng khối căn hộ và văn phòng City Gate Towers	14.756.554.263	-	14.756.554.263	-
Dự án Khu căn hộ Cao tầng Diamond Riverside	22.817.075.551	-	22.817.075.551	-
Dự án Khu đô thị Sinh thái Đồn điền Hạ Long	27.996.328.839	-	27.996.328.839	-
Chi phí dở dang của các dự án khác	5.453.215.881	-	5.453.215.881	-
Cộng	1.898.793.542.104	-	1.852.286.443.931	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	66.671.759	123.678.270
Các khoản chi phí khác	130.752.310	347.478.016
	197.424.069	471.156.286
b. Dài hạn		
Chi phí môi giới bất động sản	103.454.109.092	103.454.109.092
Chi phí mua lại quyền tham gia dự án Sơn Tịnh	111.640.234.319	112.297.543.664
Chi phí liên quan đến khai thác mỏ đá	5.466.494.495	5.579.819.397
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.086.545.646	1.191.335.944
Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác mỏ	4.230.796.312	4.230.796.312
Chi phí nhà mẫu	12.369.910.083	4.307.458.446
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.526.994.804	1.885.083.592
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	243.015.086	253.922.570
Các khoản chi phí khác	8.276.687.501	8.945.312.500
	248.294.787.338	242.145.381.517
Tổng cộng chi phí trả trước	248.492.211.407	242.616.537.803

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.642.734.745	998.428.108	1.082.578.982	2.558.583.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.654.951.823	711.826.408	1.200.000.000	7.166.778.231
Thuế thu nhập cá nhân	956.463.848	1.940.363.184	1.272.818.012	1.624.009.020
Các khoản khác	13.135.853.305	543.320.136	5.882.920.851	7.796.252.590
Cộng	24.390.003.721	4.193.937.836	9.438.317.845	19.145.623.712

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	220.964.355.908	13.537.515.932	16.964.251.120	1.273.422.728	252.739.545.688
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(479.090.909)	(54.209.090)	-	(533.299.999)
Tại ngày 31/03/2025	220.964.355.908	13.058.425.023	16.910.042.030	1.273.422.728	252.206.245.689
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	41.596.951.239	8.886.814.234	14.876.483.799	1.155.181.717	66.515.430.989
Khấu hao trong năm	1.199.542.218	186.116.814	257.495.823	13.284.999	1.656.439.854
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(479.090.909)	(49.691.664)	-	(528.782.573)
Tại ngày 31/03/2025	42.796.493.457	8.593.840.139	15.084.287.958	1.168.466.716	67.643.088.270
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	179.367.404.669	4.650.701.698	2.087.767.321	118.241.011	186.224.114.699
Tại ngày 31/03/2025	178.167.862.451	4.464.584.884	1.825.754.072	104.956.012	184.563.157.419

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	31.477.827.986	269.100.000	31.746.927.986
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	31.477.827.986	269.100.000	31.746.927.986
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	100.000.000	269.100.000	369.100.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	100.000.000	269.100.000	369.100.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	31.377.827.986	-	31.377.827.986
Tại ngày 31/03/2025	31.377.827.986	-	31.377.827.986

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Hồ bơi và sân quần vợt VND	Trung tâm thương mại Carina VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	1.977.748.637	9.356.509.045	18.769.229.874	30.103.487.556
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	1.977.748.637	9.356.509.045	18.769.229.874	30.103.487.556
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	1.173.202.415	4.288.399.940	625.959.279	6.087.561.634
Khấu hao trong năm	11.604.060	116.956.362	175.074.233	303.634.655
Tại ngày 31/03/2025	1.184.806.475	4.405.356.302	801.033.512	6.391.196.289
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	804.546.222	5.068.109.105	18.143.270.595	24.015.925.922
Tại ngày 31/03/2025	792.942.162	4.951.152.743	17.968.196.362	23.712.291.267

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Dự án đầu tư bất động sản NBB Garden III	951.178.788.536	924.801.082.718
Dự án đầu tư bất động sản NBB II	884.034.638.700	865.206.219.244
Các dự án khác	5.741.204.903	5.741.204.903
Cộng	1.840.954.632.139	1.795.748.506.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/03/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Phần lợi nhuận	Tỷ lệ	Giá gốc	Phần lợi nhuận
	sở hữu		sau ngày đầu tư	sở hữu		sau ngày đầu tư
	%	VND	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)	49,00%	4.579.636.245	(4.579.636.245)
Giá trị thuần			-			-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng
	sở hữu	VND	VND	sở hữu	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	9,50%	16.150.000.000	-	9,50%	16.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Hifill	5,00%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	5,00%	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty Cổ Phần Pearl City	18,55%	20.400.000.000	-		20.400.000.000	-
Giá trị thuần			36.550.000.000			36.550.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty CII	14.520.000.000	14.520.000.000	14.520.000.000	14.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	7.078.419.278	7.078.419.278	8.365.078.783	8.365.078.783
Công ty TNHH Dịch vụ Hạ tầng CII	13.443.885	13.443.885	13.443.885	13.443.885
	21.611.863.163	21.611.863.163	22.898.522.668	22.898.522.668
Các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây Dựng	37.836.691.002	37.836.691.002	37.836.691.002	37.836.691.002
Các nhà cung cấp khác	33.626.559.748	33.626.559.748	35.264.218.961	35.264.218.961
	71.463.250.750	71.463.250.750	73.100.909.963	73.100.909.963
	93.075.113.913	93.075.113.913	95.999.432.631	95.999.432.631

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nhận tiền trước của khách hàng nhận chuyển nhượng Bất động sản (*)	29.193.061.597	29.193.061.597
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	14.997.821.110	13.497.499.354
Công ty Green Factory	5.000.000.000	-
Các khoản khác	720.790.000	45.790.000
Cộng	49.911.672.707	42.736.350.951

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	31.744.271.162	41.207.522.681
Chi phí xây dựng	4.309.769.068	4.309.769.068
Chi phí phải trả khác	494.750.909	508.436.716
Cộng	36.548.791.139	46.025.728.465

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng	122.961.559.800	125.651.559.800
Quỹ bảo trì phải trả	41.418.330.063	41.596.512.741
Phải trả vốn góp hợp tác đầu tư	500.000.000	500.000.000
Lãi vay phải trả	14.918.524.226	13.704.468.832
Lãi phải trả hợp tác đầu tư	146.545.228.165	129.502.731.944
Các khoản phải trả khác	5.768.874.781	6.080.575.386
Cộng	332.112.517.035	317.035.848.703
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	6.025.497.335	6.025.497.335
Quỹ bảo trì phải trả	747.085.036	747.085.036
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	535.000.000.000	535.000.000.000
Lãi phải trả khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư	125.571.574.258	102.794.812.360
Cộng	667.344.156.629	644.567.394.731

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

(*)

- Là khoản hợp tác đầu tư dự án DeLagi của Công ty CPĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM (“Công ty CII”), thời gian hợp tác đến 13 tháng 12 năm 2030. Tại ngày 31/03/2025 số tiền góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty CII tại Công ty NBB là 485 tỷ đồng.

- Là khoản hợp tác đầu tư phát triển khu đất tại Phường 16, Quận 8, TP.HCM của Công ty CPĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM (“Công ty CII”). Tại ngày 31/03/2025 số tiền góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty CII tại Công ty NBB là 50 tỷ đồng.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền sử dụng đất của Dự án Diamond Riverside	201.000.000.000	201.000.000.000
Tiền sử dụng đất của Dự án City Gate Tower	120.000.000.000	120.000.000.000
Chi phí dự án phải trả	1.666.513.634	1.879.240.867
Cộng	322.666.513.634	322.879.240.867

(*) Công ty đang thực hiện trích trước khoản chi phí sử dụng đất phải trả cho Dự án khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside. Đến ngày lập Báo cáo này, Công ty vẫn chưa thể quyết toán tiền sử dụng đất để xác định chính xác số tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/03/2025		Phát sinh trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Quảng Ngãi	3.896.231.360	3.896.231.360		2.139.246.992	6.035.478.352	6.035.478.352
Các khoản vay cá nhân	265.299.291.493	265.299.291.493	4.419.999.999	89.504.999.999	350.384.291.493	350.384.291.493
Công ty CII	798.125.000.000	798.125.000.000	93.100.000.000	619.064.000.000	1.324.089.000.000	1.324.089.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư CII	650.000.000.000	650.000.000.000	650.000.000.000	-	-	-
<i>Cộng: Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả</i>	<i>35.847.000.000</i>	<i>35.847.000.000</i>			<i>33.066.000.000</i>	<i>33.066.000.000</i>
Cộng	1.757.167.522.853	1.757.167.522.853	747.519.999.999	710.708.246.991	1.717.574.769.845	1.717.574.769.845
b. Vay dài hạn						
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	23.389.436.824	23.389.436.824	-	3.910.563.176	27.300.000.000	27.300.000.000
Ngân hàng HDBank	276.600.000.000	276.600.000.000	69.000.000.000	-	207.600.000.000	207.600.000.000
Ngân hàng VPBank	678.645.000.000	678.645.000.000	-	2.449.000.000	681.094.000.000	681.094.000.000
Ngân hàng Vietinbank- CN 11	886.548.000.000	886.548.000.000	-	4.454.000.000	891.002.000.000	891.002.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư CII	940.000.000.000	940.000.000.000	-	-	940.000.000.000	940.000.000.000
<i>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới</i>	<i>(35.847.000.000)</i>	<i>(35.847.000.000)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(33.066.000.000)</i>	<i>(33.066.000.000)</i>
Cộng	2.769.335.436.824	2.769.335.436.824	69.000.000.000	10.813.563.176	2.713.930.000.000	2.713.930.000.000
Tổng cộng khoản vay	4.526.502.959.677	4.526.502.959.677	816.519.999.999	721.521.810.167	4.431.504.769.845	4.431.504.769.845

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngắn hạn</u>					
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	4.000.000.000	Đến ngày 30/05/2025	10%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Quảng Ngãi	3.896.231.360	8 tháng kể từ ngày giải ngân	7,2%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, toàn bộ hàng tồn kho và tất cả các khoản phải thu.
Nhiều cá nhân	265.299.291.493	Từ 1 đến 2 năm hoặc một thời hạn thỏa thuận khác	8-9%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư CII	650.000.000.000	Đến ngày 17/03/2026	12,0%	Hợp tác đầu tư dự án Sơn Tịnh	Hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2025/HĐHT-CII.INVEST ngày 11/02/2025. Công ty CII được phân chia lợi ích theo thỏa thuận hợp đồng.
Công ty CII	798.125.000.000	Đến ngày 23/02/2025	12,0%	Hợp tác đầu tư dự án DeLagi	Hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHT-CII ngày 10/1/2024. Công ty CII được phân chia lợi ích theo thỏa thuận hợp đồng.
<u>Dài hạn</u>					
Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII	23.389.436.824	240 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng HDBank	276.600.000.000	36 tháng	11,5%	Thanh toán nợ vay/bù đắp nợ vay đã thanh toán theo hợp đồng vay vốn để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.	- Toàn bộ quyền khai thác, quản lý, lợi ích từ dự án NBB Garden III
Ngân hàng VPBank	678.645.000.000	86 tháng, đáo hạn ngày 25/09/2030	10,4%	Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng dòng tiền cho Công ty CII	Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia trong tương lai từ dự án Xa lộ Hà Nội.
Ngân hàng Vietinbank- CN 11	886.548.000.000	180 tháng, đáo hạn ngày 16/06/2038	10,0%	Bù đắp nguồn vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CII.	- Toàn bộ quyền khai thác, quản lý, lợi ích từ dự án De Lagi, Bình Thuận. - Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác dự án đầu tư xây dựng Cao ốc văn phòng tại 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, HCM. giữa NBB và CII.
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư CII	940.000.000.000	60 tháng	9,6%	Hoàn vốn cho các khoản đầu tư tài sản, các dự án bất động sản đang được đầu tư và phát triển của Công ty.	Không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	610.213.583.599	5.712.223.001	1.820.654.454.281
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	764.962.577	(326.030.989)	438.931.588
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.165.114.190)	(6.404.400)	(3.171.518.590)
Tại ngày 01/01/2025	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	607.813.431.986	5.379.787.612	1.817.921.867.279
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	124.885.286	(71.965.914)	52.919.372
Điều chỉnh khác	-	-	-	3.137.998	-	3.137.998
Tại ngày 31/03/2025	1.004.756.560.000	207.059.165.444	(7.087.077.763)	607.941.455.270	5.307.821.698	1.817.977.924.649

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU

	<u>Quý 1/2025</u>	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>
Doanh thu từ kinh doanh bất động sản	9.714.758.728	23.943.620.032	9.714.758.728	23.943.620.032
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.776.022.356	1.961.541.706,0	3.776.022.356	1.961.541.706
Doanh thu từ bán hàng	138.295.454	23.225.455	138.295.454	23.225.455
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	1.771.716.850	-	1.771.716.850
Total	13.629.076.538	27.700.104.043	13.629.076.538	27.700.104.043

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý 1/2025</u>	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>
Giá vốn bất động sản	5.046.468.683	14.442.609.380	5.046.468.683	14.442.609.380
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.893.059.918	976.167.622	2.893.059.918	976.167.622
Giá vốn từ bán hàng	343.148.043	18.269.611	343.148.043	18.269.611
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	1.670.437.951	-	1.670.437.951
Cộng	8.282.676.644	17.107.484.564	8.282.676.644	17.107.484.564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư , hỗ trợ vốn và lãi tiền gửi	71.387.940.452	62.870.518.885	71.387.940.452	62.870.518.885
Cộng	71.387.940.452	62.870.518.885	71.387.940.452	62.870.518.885

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí lãi vay	61.745.608.565	62.025.754.530	61.745.608.565	62.025.754.530
Phân bổ quyền tham gia dự án Sơn Tịnh	657.309.345	-	657.309.345	-
Cộng	62.402.917.910	62.025.754.530	62.402.917.910	62.025.754.530

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí bằng tiền khác	606.859.832	538.506.964	606.859.832	538.506.964
Cộng	606.859.832	538.506.964	606.859.832	538.506.964

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý 1/2025</u>	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.611.519.220	1.879.104.905	1.611.519.220	1.879.104.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.236.604	108.500.382	70.236.603	108.500.382
Phân bổ lợi thế thương mại	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	567.021.475	1.990.458.248	567.021.475	1.990.458.248
Cộng	3.248.777.299	3.978.063.535	3.248.777.298	3.978.063.535

7. THU NHẬP KHÁC

	<u>Quý 1/2025</u>	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>
Các khoản thu nhập khác	197.806.294	221.674.040	197.806.294	221.674.040
Cộng	197.806.294	221.674.040	197.806.294	221.674.040

8. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Quý 1/2025</u>	<u>Quý 1/2024</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>
Lãi chậm nộp thuế	-	1.520.617.569	-	1.520.617.569
Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng, chậm trả	8.480.397.689	4.001.938.000	8.480.397.689	4.001.938.000
Các khoản chi phí khác	1.135.648.399	1.029.585.634	1.135.648.399	1.029.585.634
Cộng	9.616.046.088	6.552.141.203	9.616.046.088	6.552.141.203

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty hợp nhất là 20% lợi nhuận chịu thuế.

9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.057.545.512	590.346.172
Chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.057.545.512	590.346.172
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	711.826.408	541.218.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	711.826.408	541.218.347

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025 được lấy từ các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được trình bày phân loại theo thông tư 200.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty CPĐT Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là "Công ty CII")	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh địa ốc Lữ Gia	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Bên liên quan của Công ty CII
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư CII	Bên liên quan của Công ty CII

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024 VND
Công ty CPĐT Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Gọi tắt là "Công ty CII")		
Lợi nhuận phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	59.294.000.000	59.493.000.000
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	93.100.000.000	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	619.064.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư	39.295.866.083	-
Chi phí sử dụng vốn phát sinh	9.785.883.037	22.498.191.781
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII E&C		
Chi phí thi công dự án	9.923.913.569	49.032.802.887
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư	-	35.000.000.000
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư	-	325.766.338.258
Chi phí phát sinh từ hỗ trợ vốn	98.630.137	8.832.308.771
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	300.000.000.000
Thu hồi vốn góp hợp tác đầu tư	1.700.000.000	-
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	-	524.000.000.000
Hoàn trả vốn góp hợp tác đầu tư	-	670.814.068.524
Lợi nhuận phát sinh từ hợp tác đầu tư	11.929.492.688	460.273.973
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Chi phí thuê văn phòng, tiệc ích khác	1.520.319.297	1.524.641.275
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh		
Chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác	-	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư CII		
Nhận vốn góp hợp tác đầu tư dự án	650.000.000.000	-
Chi phí phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án	1.772.054.795	-
Chi phí phát sinh từ hỗ trợ vốn	22.250.958.903	-

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong Báo cáo tài chính này.

Nguyễn Trần Phương Uyên
Người lập biểu

Nguyễn Văn Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Số : 81 /CV-TCKT

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

“V/v Giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh Quý I năm 2025”

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“Công ty”) báo cáo chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2025 so với Quý I năm 2024 như sau:

1. Báo cáo công ty mẹ:

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Chênh lệch	%
1	Doanh thu thuần	11.547	25.413	(13.865)	-55%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.847	2.165	682	32%

2. Báo cáo hợp nhất:

Stt	Khoản mục	Quý 1/2025	Quý 1/2024	Chênh lệch	%
1	Doanh thu thuần	13.629	27.700	(14.071)	-51%
2	Lợi nhuận sau thuế	53	49	4	8%

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính Quý 1/2025 biến động so với Quý 1/2024, ảnh hưởng bởi các nguyên nhân sau:

- + Doanh thu và giá vốn từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm lần lượt là 14,23 tỷ đồng và 9,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- + Doanh thu hoạt động tài chính tăng 8,5 tỷ đồng.
- + Chi phí lãi vay tăng 0,57 tỷ đồng.
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 0,73 tỷ đồng.
- + Chi phí khác tăng 3 tỷ đồng.

Trân trọng kính chào.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Lân